

KINH TẾ TUẦN HOÀN: HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

● NGUYỄN THANH LONG - LÝ THỊ MINH CHÂU
- NGUYỄN ĐÌNH MẠNH - BÙI XUÂN NGUYỄN

TÓM TẮT:

Để phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn (KTTH) là một tất yếu. Bài nghiên cứu trình bày nguyên nhân KTTH là hướng phát triển bền vững cho doanh nghiệp Việt Nam, tình hình các doanh nghiệp (DN) khi ứng dụng mô hình KTTH, những khó khăn và thách thức đối với các DN. Từ đó, đề xuất các giải pháp và kiến nghị thúc đẩy triển khai mô hình KTTH, tạo động lực cho DN Việt Nam phát triển bền vững.

Từ khóa: kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, doanh nghiệp Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong hàng chục năm qua, Việt Nam phát triển chủ yếu dựa vào các nguồn tài nguyên, lao động giá rẻ; phát triển kinh tế chủ yếu dựa trên mô hình kinh tế thẳng (hay kinh tế tuyến tính). Từ đó dẫn đến nhiều thách thức nghiêm trọng, như: cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Mặc dù chỉ là một quốc gia nhỏ xếp thứ 68 thế giới về diện tích, thứ 15 thế giới về dân số, nhưng Việt Nam hiện đứng thứ 4 thế giới về rác thải nhựa, với 1,83 triệu tấn/năm.

Để thay thế mô hình kinh tế tuyến tính, mô hình KTTH được chú trọng trong cộng đồng DN toàn cầu, cũng như trong hoạch định chính sách tại các quốc gia trong những năm gần đây. Với mục tiêu tìm kiếm giải pháp bền vững và thịnh vượng cho

DN, quốc gia, và rộng hơn là cả toàn cầu, việc chuyển đổi từ kinh tế thẳng sang KTTH là thiết yếu đối với tất cả quốc gia trên thế giới trong bối cảnh hiện nay.

Do vậy, bài nghiên cứu “Kinh tế tuần hoàn: Hướng phát triển bền vững cho DN Việt Nam”, nhằm chỉ ra những tồn tại và hạn chế của DN trong KTTH, những lợi ích và thách thức đối với DN khi chuyển sang mô hình KTTH. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm thúc đẩy triển khai mô hình KTTH, tạo động lực cho DN Việt Nam phát triển bền vững.

2. KTTH - Động lực cho DN Việt Nam phát triển bền vững

Tại Đại hội XIII, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng H. nhấn mạnh: “Phát triển

KTTH là yêu cầu tất yếu của phát triển bền vững trong bối cảnh mới. Khi tài nguyên thiên nhiên ngày càng suy thoái, cạn kiệt, môi trường ô nhiễm, biến đổi khí hậu diễn biến khốc liệt”.

Có thể hiểu, KTTH là mô hình kinh tế, trong đó toàn bộ các hoạt động bao gồm: thiết kế, sản xuất, cung cấp dịch vụ đều hướng tới tái sử dụng vật chất và loại bỏ tác động tiêu cực đến môi trường. Theo đó, nền KTTH là chu trình sản xuất khép kín và tuần hoàn, khi các chất thải của quá trình sản xuất được quay trở lại, trở thành nguyên liệu cho sản xuất, qua đó giảm mọi tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người, giảm tiêu thụ nguyên liệu, thu hồi chất thải cho đầu ra của sản xuất, giảm chi phí sản xuất cho DN.

KTTH không chỉ tái sử dụng chất thải của sản xuất, mà còn có vai trò kết nối giữa các hoạt động kinh tế, tạo thành các vòng tuần hoàn trong nền kinh tế, giữ cho dòng vật chất được sử dụng lâu nhất có thể.

KTTH đem lại 4 lợi ích cơ bản, đó là: bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên, lợi ích xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế. Đối với một quốc gia, so với mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống, KTTH mang lại nhiều lợi ích hơn, cụ thể:

- Đối với quốc gia: thể hiện trách nhiệm của quốc gia trong giải quyết thách thức toàn cầu đối với vấn đề ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đồng thời, KTTH sẽ giúp quốc gia tận dụng nguồn nguyên vật liệu đã qua sản xuất, giảm thiểu khai thác tài nguyên thiên nhiên, tận dụng tối đa giá trị tài nguyên đã khai thác, giảm thiểu khí thải đối với môi trường.

- Đối với xã hội: Giảm chi phí xã hội trong quản lý, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Từ đó, tạo ra cơ hội việc làm mới, đồng thời nâng cao sức khỏe của người dân.

- Đối với DN: Giảm rủi ro khủng hoảng về thừa sản phẩm, khan hiếm tài nguyên; tạo động lực cho DN đầu tư, đổi mới công nghệ; giảm chi phí sản xuất, tăng chuỗi cung ứng...

Theo Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương: “Việc lựa chọn nền KTTH đối với Việt Nam là yêu cầu tất yếu, nhằm khắc phục các

điểm hạn chế trong mô hình tăng trưởng truyền thống. Việc chuyển đổi và phát triển KTTH sẽ giúp cho Việt Nam không lệ thuộc vào các nền kinh tế bên ngoài, đảm bảo nguyên liệu và nhiên liệu phục vụ cho sản xuất. Đây là cơ hội lớn để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, đạt được các mục tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường đã đề ra, ứng phó được với tình hình biến đổi khí hậu hiện nay”.

3. Thực trạng ứng dụng mô hình KTTH trong các DN Việt Nam thời gian qua

3.1. Thành tựu đạt được

Sau hơn 35 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam đã có sự thay đổi vượt bậc, trở thành điểm sáng trong tăng trưởng tại khu vực và thế giới, nền kinh tế phát triển cả về quy mô và chất lượng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao, trở thành nước có thu nhập trung bình, với GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt gần 3.500 USD (Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế - IMF). Tại Việt Nam, mô hình KTTH chủ yếu được ứng dụng trong nông nghiệp và công nghiệp ở quy mô nhỏ. Một số mô hình KTTH đã được ứng dụng trong sản xuất - kinh doanh tại Việt Nam, như: mô hình thu gom tái chế sắt vụn, thu gom tái chế giấy,...

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, tận dụng phế phẩm, phụ phẩm nông nghiệp, DN Việt Nam đã áp dụng các mô hình KTTH, như: vườn - ao - chuồng (VAC), vườn - rừng - ao - chuồng (VRAC) từ những năm 1970 - 1980. Sau đó, phát triển phổ biến với nhiều vật nuôi, cây trồng khác nhau, kết hợp trồng trọt, chăn nuôi theo chuỗi thức ăn và xử lý chất thải bằng Biogas. Ví dụ tiêu biểu như: Trang trại chăn nuôi Lộc Phát của Công ty Lộc Phát tại tỉnh Bình Phước. Với hệ thống xử lý chất thải tạo khí sinh học (Biogas) trị giá hơn 10 tỷ đồng, toàn bộ chất thải đều được thu gom vào hệ thống xử lý để tạo ra khí sinh học, đáp ứng 30% nhu cầu năng lượng (gas và điện) cho toàn trang trại. Nước thải đã được tái sử dụng đưa vào hệ thống tưới cho hàng chục ngàn hecta cao su trong vùng. Nhau thai heo và heo con mới sinh bị chết từ 2.400 con heo sinh sản làm nguồn thực phẩm cho khu nuôi cá sấu gần 4.000 con.

Đây là các mô hình KTTH khép kín hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, vừa tận dụng, khai thác triệt để chất thải, phụ phẩm trong sản xuất,

đảm bảo kinh tế, vừa giải quyết vấn đề môi trường trong nông nghiệp và ở nông thôn. Ở nông thôn, cũng phổ biến mô hình sử dụng rơm rạ sau thu hoạch cho trâu bò ăn, sản xuất nấm rơm, vật liệu xây dựng. Một số làng nghề còn sử dụng phụ phẩm nông nghiệp như bẹ ngô, rơm rạ làm hàng thủ công mỹ nghệ,...

- Trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các DN ứng dụng các mô hình KTTH trong rất nhiều lĩnh vực, như:

+ Trong phát triển công nghệ chế biến - chế tạo, nhiều DN đã tận dụng phế phẩm, phụ phẩm để sản xuất như: phế phẩm từ sản xuất mía đường để sản xuất rượu, phát điện (Ví dụ: Công ty Heineiken Việt Nam đã tái sử dụng hoặc tái chế gần như toàn bộ (khoảng 99%) phế thải và phụ phẩm của quá trình sản xuất. Bã hèm và men thừa đều được tái sử dụng làm phân bón hoặc thức ăn chăn nuôi, Công ty cổ phần Tập đoàn Quế Lâm với dự án Tổ hợp chăn nuôi an toàn sinh 4F (Farm - Food - Feed - Fertilizer) gồm: Chăn nuôi lợn hữu cơ, sản xuất các chế phẩm sinh học, sản xuất thức ăn chăn nuôi hữu cơ và sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh...); phế phẩm tro xỉ từ nhà máy nhiệt điện để chế tạo vật liệu xây dựng, nhiều DN tận dụng và tái chế chất thải (Ví dụ: nhà máy bia sử dụng lại các vỏ chai và nắp bia; mô hình tái chế bao bì của các công ty như Coca-Cola Việt Nam; ủ cuống thuốc lá làm phân bón),...

+ Trong phát triển năng lượng tái tạo, các DN đã đầu tư vào phát triển năng lượng điện mặt trời và năng lượng điện gió. Số dự án năng lượng mặt trời đăng ký tăng mạnh trong giai đoạn 2018 - 2020, các dự án năng lượng điện gió, điện sinh khối cũng rất có tiềm năng phát triển với lượng gió tốt và nguồn gỗ phế phẩm, phụ phẩm nông nghiệp, rác thải đô thị, phế thải chăn nuôi và các chất hữu cơ khác.

+ Nhiều khu công nghiệp sinh thái được hình thành và phát triển, như: VCCI khởi xướng sáng kiến “Không xả thải ra thiên nhiên”, mô hình chế biến phụ phẩm thủy sản, liên minh Tái chế bao bì Việt Nam,...

+ Các làng nghề Việt Nam tái chế phế liệu, rác thải sinh hoạt và công nghiệp,... vừa tạo ra sinh kế cho người dân, vừa góp phần giải quyết rác thải.

3.2. Những khó khăn, thách thức

Bên cạnh những thành tựu đạt được, các DN Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn và thách thức phải đối mặt khi ứng dụng mô hình KTTH. Đó là:

- Hiện nay, đa phần các DN nhỏ và vừa còn đang vận hành theo mô hình kinh tế truyền thống, ít quan tâm đến các vấn đề về lượng khí thải cacbon trong quá trình sản xuất, chưa có ý thức về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm về các sản phẩm sản xuất sau khi các sản phẩm được chuyển sang giai đoạn phân phối, sử dụng, chưa có ý định thu hồi rác thải từ các sản phẩm sản xuất sau quá trình sử dụng của khách hàng. Đây chính là nguyên nhân gây lãng phí nguồn tài nguyên khai thác phục vụ lại sản xuất, khiến lượng khí thải cacbon nhiều hơn, tác động tiêu cực đến quá trình biến đổi khí hậu.

- Các DN nhỏ và vừa còn hạn chế về công nghệ sản xuất, tái chế, tái sử dụng. KTTH gắn với đổi mới công nghệ và thiết kế mô hình, phương thức sản xuất tiên tiến nên cần kỹ thuật cao, vốn đầu tư lớn, tuy nhiên, do hạn chế về nguồn vốn đã khiến các DN chưa dám đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Bên cạnh đó, việc lựa chọn các vật liệu có thể tái sử dụng, an toàn với môi trường nhưng vẫn đảm bảo thiết kế, đặc điểm kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của khách hàng rất khó khăn, bởi ít có sự tham vấn của các nhà cung cấp trong quá trình lựa chọn. Giá thành sản phẩm tái chế quá cao, khó cạnh tranh với các DN khác và người tiêu dùng còn phải cân nhắc khi lựa chọn.

- Chưa có sự liên kết giữa các DN với nhau, thông tin về mạng lưới KTTH còn thiếu, chưa có kênh liên kết giúp DN có những nhận thức và kết nối về hoạt động theo mô hình KTTH hiện tại.

- Việt Nam hiện nay chưa có hành lang pháp lý cho phát triển KTTH; chưa có bộ tiêu chí để nhận diện, đánh giá, tổng kết và đưa ra phân loại chính xác mức độ phát triển của KTTH; thiếu các chính sách, cơ chế cho kinh tế tư nhân phát triển tạo động lực cho thị trường KTTH.

- Thiếu hướng dẫn chiến lược và tiêu chuẩn hóa vì Luật Bảo vệ môi trường được thông qua năm 2020, nhưng năm 2022 mới có hiệu lực thi

hành nên chưa có nghị định, thông tư hướng dẫn cụ thể. Ví dụ: việc tiếp cận các nguồn lực xã hội, vốn tín dụng,... của các DN còn gặp nhiều khó khăn, chưa có hướng dẫn chi tiết hay quy định cụ thể về sử dụng vật liệu tái chế khiến các DN gặp khó khăn khi sử dụng những nguồn nguyên liệu tái chế cho quay vòng sản xuất.

- Trong KTTH việc phân loại, làm sạch chất thải trước khi tái sử dụng, tái chế là rất quan trọng, nhưng hiện các DN Việt Nam còn chưa xây dựng văn hóa phân loại chất thải tại nguồn nên rất khó khăn trong thực hiện KTTH.

- Bên cạnh đó, nhiều DN Việt Nam chưa dám mạo hiểm đầu tư vào ngành tái chế rác thải trong sản xuất, hay tin vào các tổ chức/quỹ đầu tư mạo hiểm để đưa ra các ý tưởng sáng chế khoa học và tái chế rác thải. Việc hình thành và phát triển các tổ chức/quỹ đầu tư mạo hiểm có thể giúp DN Việt Nam thoát khỏi câu chuyện luôn là người đi sau, sử dụng công nghệ cũ đã không được ưa chuộng từ các thị trường các nước phát triển hơn.

4. Một số giải pháp kiến nghị và đề xuất nhằm thúc đẩy DN phát triển bền vững trong nền KTTH

4.1. Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước

- Cần cụ thể hóa các quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, như: Quy định trách nhiệm cụ thể của nhà sản xuất trong việc thu hồi, tái chế hoặc chi trả chi phí xử lý các sản phẩm thải bỏ dựa trên số lượng sản phẩm bán ra trên thị trường; phát triển công nghiệp môi trường, thị trường hàng hóa và dịch vụ môi trường, sản phẩm thân thiện môi trường...; quản lý dự án theo vòng đời, thiết lập lộ trình xây dựng và áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

- Ban hành các chính sách hỗ trợ cho DN chuyển sang mô hình KTTH (nguồn vốn, lãi vay, ưu đãi thuế,...) và chính sách thúc đẩy các ngành kinh tế tái tạo; đồng thời tăng thuế đối với các ngành nghề sản xuất sử dụng nguyên liệu không thể tái chế. Cần có các quỹ đầu tư mạo hiểm để nâng đỡ và hiện thực hóa những ý tưởng kinh doanh, những ứng dụng khoa học vào sản xuất.

- Cần có chính sách, cơ chế, tổ chức thực hiện phân loại chất thải tại nguồn. Cử cán bộ nhân viên

ra nước ngoài trao đổi, học hỏi kinh nghiệm của quốc tế về phân loại rác thải tại nguồn, đào tạo đội ngũ chuyên gia giỏi về lĩnh vực phân loại và làm sạch chất thải trước khi đưa vào tái sử dụng, tái chế.

- Cần ứng dụng kết quả của cách mạng công nghiệp 4.0, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về KTTH. Hệ thống cơ sở dữ liệu về KTTH gồm các dữ liệu quan trọng, giúp theo dõi mức độ tuần hoàn của nền kinh tế (như tỷ lệ tái chế chất thải rắn, tỷ lệ tái sử dụng chất thải, hiệu suất tuần hoàn tài nguyên,...). Đây là các dữ liệu quan trọng để phục vụ cho việc quản lý và điều chỉnh việc thực hiện KTTH. Thực tế là tất cả các nước hàng đầu về KTTH trên thế giới đều có hệ thống cơ sở dữ liệu rất tốt về KTTH.

- Xây dựng Chiến lược truyền thông về KTTH nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng DN và công chúng về tính tất yếu và lợi ích của KTTH. Cần lựa chọn các mô hình KTTH có hiệu quả để giới thiệu trực tiếp đến các DN, hiệp hội và các hộ sản xuất. Với các mô hình đã ứng dụng thành công, cần quảng bá và hỗ trợ nhân rộng mô hình, tạo ra văn hóa sản xuất tuần hoàn như văn hóa Kaizen 5S đã được người Nhật khởi xướng.

4.2. Đề xuất giải pháp từ DN

- DN cần nhìn nhận rõ các lợi ích KTTH và sự phát triển bền vững của DN trong tương lai; cần thay đổi tư duy trong quá trình thiết kế và sản xuất theo hướng nghiên cứu các nguyên vật liệu mới thay thế, tái chế, tái sử dụng chất thải và phế liệu trong quá trình sản xuất. Hướng đến sử dụng 100% nguyên vật liệu có thể tái chế, áp dụng nhân sinh thái đối với sản phẩm và hệ thống dịch vụ, nhấn mạnh việc sửa chữa sản phẩm nếu có thể.

- Cần tổ chức thiết kế và thiết kế lại sản phẩm với sự góp ý từ khách hàng và tiếp cận nhiều nhà cung cấp nguyên liệu để có cái nhìn tổng quan về sản phẩm và nguyên liệu sử dụng, từ đó tối ưu hóa nguồn tài nguyên, giảm tiêu thụ năng lượng. Cần hướng đến các nguyên liệu có thể sử dụng trong năng lượng tái tạo, các nhiên liệu sinh học. Giảm đóng gói hoặc sử dụng các vật liệu đóng gói có thể phân hủy hoặc tái sử dụng.

- Trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, cần

áp dụng các công nghệ cần thiết để quản lý dữ liệu toàn bộ chuỗi cung ứng, hình thành các mạng lưới các nhà cung cấp nguyên liệu trong mỗi lĩnh vực, ngành nghề. Xây dựng chiến lược chuỗi giá trị gắn liền với chuỗi tuần hoàn của sản phẩm.

- Liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đặt hàng nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới từ chất thải, phế liệu,...

- Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn, nhận thức về khoa học kỹ thuật, nắm vững các nguyên lý về vận hành mô hình KTTH. Thường xuyên cử nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức về KTTH do Nhà nước tổ chức.

5. Kết luận

Để đưa KTTH đi vào cuộc sống và tạo được

văn hóa sản xuất tuần hoàn, Nhà nước cần thay đổi, bài toán thiết kế chính sách cần được thiết kế một cách hết sức công phu để giúp các DN thấy phát triển sản xuất tuần hoàn đem lại lợi ích cho chính DN và là điều kiện tiên quyết để DN phát triển bền vững trong tương lai.

Phát triển KTTH là điều kiện tất yếu của DN phát triển bền vững trong tương lai. Để tạo điều kiện cho DN sẵn sàng đầu tư phát triển KTTH, Nhà nước cần xây dựng hành lang pháp lý cũng như các chính sách ưu đãi cho DN. Bên cạnh đó, cần có chính sách thu hút lực lượng chuyên gia cũng như lao động lành nghề từ các nước ngoài về hỗ trợ cho các DN trong nước xây dựng văn hóa KTTH trong cộng đồng DN ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Quốc hội (2014). *Luật số 55/2014/QH13: Luật Bảo vệ Môi trường 2014*.
2. Nam, N. H., & Hanh, N. T. (2019). Implementing Circular economy: International experience and policy implications for Vietnam. *VNU Journal of Science: Economics and Business*, 35(4), 68-81.
3. Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Thị Huệ, Nguyễn Thị Bích Phương. (2019). Kinh tế tuần và sự chuyển dịch tất yếu. *VNU Journal of Science - Policy and Management*, 35(3), 21-28.
4. Thủ tướng Chính phủ. (2015). *Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ*.
5. Thủ tướng Chính phủ. (2018). *Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 về Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050*.
6. Trần Hồng Hà. (2019). Định hướng một nền kinh tế tuần hoàn trong thời kỳ Cách mạng công nghệ 4.0. *Tạp chí Khí tượng Thủy văn, EME2*, 1-12.
7. Bùi Văn Huyền - Nguyễn Ngọc Toàn. (2019). Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Tài chính*, 741, 20-23.
8. Hải An. (2020). Phát triển kinh tế tuần hoàn - Xu hướng tất yếu cho Việt Nam. Truy cập tại <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/phet-trien-kinh-te-tuan-hoan-xu-huong-tat-yeu-cho-viet-nam-327049.html>
9. Zengwei Yuan, Jun Bi, and Yuichi Moriguichi. (2008). The Circular Economy a New Development Strategy in China. *Journal of Ecology*, 10(1-2), 4-8.
10. Nguyễn Hữu Bình - Lưu Thị Duyên. (2021). Việt Nam hướng tới nền kinh tế tuần hoàn trong bối cảnh mới. Truy cập tại <http://consosukien.vn/viet-nam-huong-toi-nen-kinh-te-tuan-hoan-trong-boi-can-moi.htm>
11. Nguyễn Hoàng. (2021). Phát triển kinh tế tuần hoàn là yêu cầu tất yếu của phát triển bền vững. Truy cập tại <http://baochinhphe.vn/Phat-trien-ben-vung/Phat-trien-kinh-te-tuan-hoan-la-yeu-cau-tat-yeu-cua-phet-trien-ben-vung/423486.vgp>

Ngày nhận bài: 3/5/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/6/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/6/2021

Thông tin tác giả:

1. TS. NGUYỄN THANH LONG

Trường Đại học Tài chính - Marketing

2. TS. LÝ THỊ MINH CHÂU

Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

3. ThS. NGUYỄN ĐÌNH MẠNH

Trung tâm Dạy nghề lái xe Hiệp Phát

4. ThS. BÙI XUÂN NGUYỄN

Ban Quản lý Đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh

CIRCULAR ECONOMY: A SUSTAINABLE DEVELOPMENT APPROACH FOR ENTERPRISES IN VIETNAM

● Ph.D **NGUYEN THANH LONG**¹

● Ph.D **LY THI MINH CHAU**²

● Master. **NGUYEN DINH MANH**³

● Master. **BUI XUAN NGUYEN**⁴

¹University of Finance and Marketing

²University of Economics Ho Chi Minh City

³Hiep Phat Driving Training Center

⁴Ho Chi Minh City Urban Railway Management Board

ABSTRACT:

The circular economy is an inevitable economic trend to achieve a sustainable growth. This paper is to explain why the circular economy is the sustainable development approach for enterprises in Vietnam, present the current implementation of circular economy at enterprises, and point out challenges and difficulties facing by enterprises when building circular economy business models. This paper is expected to encourage more Vietnamese enterprises to develop circular economy business models to grow sustainably.

Keywords: circular economy, sustainable development, Vietnamese enterprise.